

Thứ hai, ngày 7 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh về dưới ngưỡng 1360 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 8/6/2021		•	
Tuần 7/6-11/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau đà tăng điểm mạnh tuần trước, VN-Index đã điều chỉnh mạnh trong phiên giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư suy giảm khi chỉ có 8/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Đồng thời, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực với thanh khoản giảm nhẹ so với phiên trước. Với nhịp điều chỉnh này, VN-Index có thể kiểm tra lại ngưỡng tâm lý 1,350 điểm trong ngắn hạn trước khi hình thành xu hướng mới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Phân tích kỹ thuật: D2D_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-15.27 điểm**, đóng cửa **1358.78**. HNX-Index **-11.13 điểm**, đóng cửa **318.63**.
- Kéo chỉ số tăng: **ANV (+1.72); SAB (+1.41); DPR (+0.93); SHI (+0.57); VHM (+0.44)**.
- Kéo chỉ số giảm: **STB (-1.30); AGR (-0.35); PSH (-0.28); LPB (-0.26); EVE (-0.24)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,179 tỷ đồng**, **-5.6%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 28,916 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 28.53 điểm. Thị trường có **157** mã tăng, 37 mã tham chiếu và **265** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-660.17 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (-526.7 tỷ), VIC (-225.1 tỷ) và VPB (-123.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-43.83 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1358.78**
Giá trị: 27538.52 tỷ **-15.27 (-1.11%)**
Khối ngoại (ròng): -660.17 tỷ

HNX-INDEX **318.63**
Giá trị: 5459.46 tỷ **-11.13 (-3.38%)**
Khối ngoại (ròng): -43.83 tỷ

UPCOM-INDEX **89.06**
Giá trị: 1973.48 tỷ **-1.53 (-1.69%)**
Khối ngoại(ròng): 53.66 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	69.3	-0.43%
Giá vàng	1,884	-0.42%
Tỷ giá USD/VND	23,046	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	28,014	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,053	0.09%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	5.44%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	156.8	HPG	-526.7
NVL	94.6	VIC	-225.1
OCB	82.4	VPB	-123.3
PLX	74.5	DCM	-64.7
VHM	46.4	MBB	-51.4
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 7/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	69.32	-0.43%	4.50%	5.70%	72.74%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	71.59	-0.42%	3.30%	5.70%	66.14%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	219.90	-0.57%	2.90%	2.70%	72.00%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1884.04	-0.40%	-1.20%	3.80%	9.10%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.56	-0.83%	-1.70%	0.90%	57.46%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1459.25	1.65%	6.30%	5.50%	64.70%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	695.50	1.13%	4.80%	-6.60%	28.26%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.30	-0.06%	0.30%	-12.40%	5.42%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	219.26	-1.28%	-2.30%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.72	0.06%	2.10%	1.10%	43.37%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	161.00	-0.40%	-0.80%	7.40%	48.66%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9955.00	1.70%	-2.60%	-0.10%	74.96%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	796.24	-1.60%	0.80%	-8.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	841.11	-1.80%	-0.70%	-7.80%			
Nhôm	USD/ton	2455.00	2.08%	-1.00%	1.10%	54.26%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	180.97	-1.04%	5.80%	1.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	110.25	-2.09%	-1.70%	20.80%	75.14%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Dầu thô Brent giảm -0.66 USD (-0.9%) xuống 71.23 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm -0.52USD (0.8%) xuống 69.10 USD/thùng. HĐTL dầu thô giảm chủ yếu bởi áp lực chốt lời tăng sau khi WTI chạm 70 USD/thùng. Cùng với đó, tâm lý giao dịch trở nên thận trọng trước cuộc họp về hạt nhân giữa Iran cùng các cường quốc thế giới. Đồng thời, lượng nhập khẩu dầu thô Trung Quốc giảm -14.6% YoY tại tháng 5.

Giá vàng

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm -0.4% xuống 1,883.10 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6/2021 trên sàn New York giảm -0.3% xuống 1,886.0 USD/ounce. Nhập khẩu Trung Quốc tăng 51.1% YoY trong tháng 5, sau khi tăng 43.1% YoY trong tháng 4, là mức tăng lớn nhất từ tháng 1/2011, góp phần bởi giá hàng hóa cùng cầu nội địa tăng mạnh.

	7/6	% 7/6	4/6	% 4/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1358.78	-1.11%	1374.05	0.72%	2.31%	8.65%
S&P 500			4229.89	0.88%	0.69%	1.57%
HĐTL S&P500	4220.50	-0.18%	4228.30	0.88%	0.43%	1.46%
Shang- hai	3599.54	0.21%	3591.85	0.21%	-0.44%	4.60%
Euro Stoxx	4086.26	-0.08%	4089.38	0.25%	1.16%	2.17%

Phân tích kỹ thuật
D2D_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: D2D đang ở trong trạng thái tích lũy tại khu vực 50-55 sau khi có quãng thời gian giảm giá trong tháng 3 và tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng tăng dần. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của D2D nằm tại khu vực xung quanh 53.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 60, cắt lỗ nếu ngưỡng 52 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

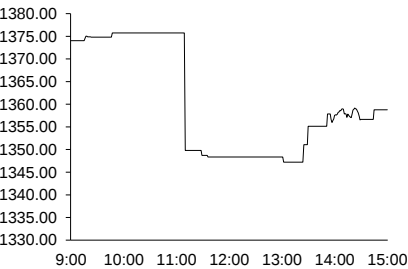
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	3.34%
Hóa chất	3.02%
Du lịch và Giải trí	2.23%
Bảo hiểm	1.37%
Bất động sản	0.69%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.38%
Y tế	0.30%
Ô tô và phụ tùng	0.19%
Thực phẩm và đồ uống	-0.05%
Dầu khí	-0.06%
Xây dựng và Vật liệu	-0.38%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.56%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.73%
Bán lẻ	-1.20%
Công nghệ Thông tin	-2.21%
Tài nguyên Cơ bản	-2.72%
Truyền thông	-3.08%
Ngân hàng	-3.27%
Dịch vụ tài chính	-4.29%

Hình 1

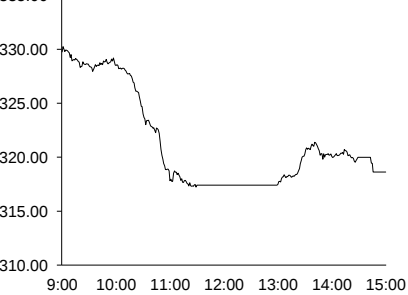
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	35.85	3	0.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	30.3	4	5.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	11.3	5	8.65%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.8	7	-2.90%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	39.4	10	5.35%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	11.9	11	4.39%	Có thể tiếp tục mua
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	98.8	14	8.81%	Cân nhắc không mua thêm (**)
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	55.8	18	-4.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	27.3	19	5.69%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	53.5	21	4.90%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.8	34	2.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	36.5	40	2.82%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:
 (*) **Trạng thái kỹ thuật không tốt**
 (**) **Tiệm cận giá mục tiêu**

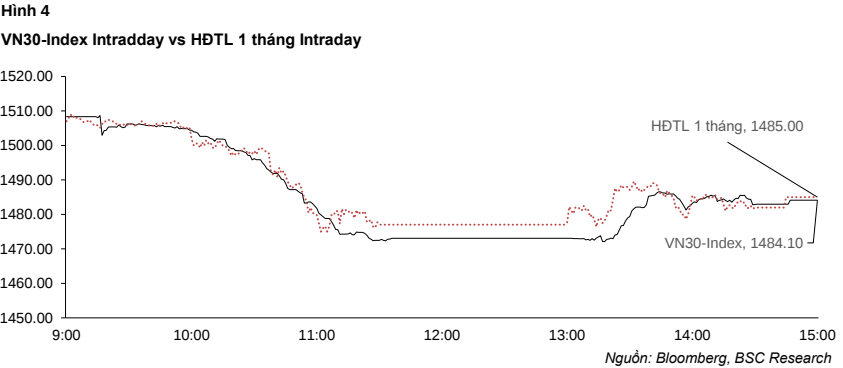
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	TP	22	14.63%
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	TP	33	14.21%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	10	2	4.91%	-3.68%	3.48%	16
Cổ phiếu đã chốt	151	85	13.73%	-8.16%	5.84%	27

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1485.00	-1.39%	0.90	5.3%	195,761	6/17/2021	12
VN30F2107	1477.30	-1.62%	-6.80	145.4%	778	7/15/2021	40
VN30F2109	1473.60	-1.42%	-10.50	53.1%	98	9/16/2021	103
VN30F2112	1470.00	-1.59%	-14.10	109.8%	86	12/16/2021	194

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -24.25 điểm, xuống 1484.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, HPG, MBB, STB, CTG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 điều chỉnh mạnh trong phiên sáng xuống quanh 1475 điểm, trước khi thu hẹp biên độ giảm trong phiên chiều. VN30 có thể vận động tích lũy trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2013	7/30/2021	53	1:1	215,600	35.32%	5,000	7,090	7.42%	6,162	1.15	32,500	27,500	33,350
CVPB2103	8/9/2021	63	2:1	293,500	36.49%	2,700	17,700	0.06%	17,899	0.99	41,900	36,500	72,000
CVHM2008	6/11/2021	4	10:1	842,800	31.03%	1,400	1,600	0.00%	1,716	0.93	102,888	88,888	105,000
CPDR2101	9/27/2021	112	5:1	338,900	38.14%	1,100	4,120	-0.24%	816	5.05	94,388	88,888	83,300
CHPG2106	8/27/2021	81	2:1	121,600	35.37%	4,100	14,590	-0.41%	2,562	5.70	58,400	50,200	52,700
CNVL2003	6/11/2021	4	10:1	928,400	30.52%	1,000	7,700	-0.65%	7,465	1.03	73,979	63,979	139,400
CTCB2012	7/30/2021	53	1:1	45,900	36.21%	5,400	31,450	-1.75%	30,551	1.03	27,400	22,000	52,400
CMWG2016	6/10/2021	3	10:1	340,500	29.31%	1,700	2,850	-3.39%	2,814	1.01	125,000	108,000	136,100
CSTB2010	6/11/2021	4	2:1	394,000	44.96%	1,100	9,600	-3.90%	9,354	1.03	14,199	11,999	30,450
CTCB2101	10/5/2021	120	1:1	89,900	36.21%	5,000	24,000	-4.00%	11,559	2.08	36,000	31,000	52,400
CFPT2016	6/22/2021	15	5:1	137,000	30.32%	2,580	9,200	-4.07%	6,560	1.40	54,137	43,034	82,700
CHPG2107	8/12/2021	66	5:1	172,800	35.37%	1,300	6,470	-4.29%	225	28.74	48,463	43,684	53,000
CHPG2103	7/6/2021	29	2:1	75,900	35.37%	3,900	15,400	-5.52%	5,437	2.83	49,800	42,000	52,700
CTCB2103	8/9/2021	63	2:1	284,200	36.21%	2,900	9,500	-5.94%	8,599	1.10	41,300	35,500	52,000
CTCB2102	7/6/2021	29	2:1	231,400	36.21%	2,300	8,800	-6.68%	8,268	1.06	57,200	48,000	52,400
CHPG2108	8/12/2021	66	5:1	239,200	35.37%	1,200	6,210	-6.76%	222	28.03	48,124	43,713	52,700
CHPG2102	7/5/2021	28	1:1	118,400	35.37%	6,600	31,000	-7.46%	11,856	2.61	47,600	41,000	53,000
CSTB2103	8/9/2021	63	2:1	250,800	44.96%	1,400	7,600	-7.54%	6,425	1.18	20,800	18,000	30,700
CHPG2105	8/9/2021	63	2:1	434,400	35.37%	3,000	16,210	-8.16%	5,601	2.89	48,000	42,000	53,000
CMBB2101	7/6/2021	29	2:1	553,000	35.20%	1,600	7,150	-12.80%	6,924	1.03	29,200	26,000	39,400
Tổng				5,892,600	35.71%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
				**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 7/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CVIC2005 và CVIC2103 tăng mạnh lần lượt là 20.69% và 15.45%. Trái lại, CMWG2103 và CMWG2101 giảm mạnh lần lượt là -12.20% và -10.65%. Giá trị giao dịch giảm -23.83%. CHPG2105 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.73% thị trường.
- CVHM2008, CMBB2010, CVPB2101, CVPB2103, và CSTB2014 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2010, CHPG2101, và CVPB2015 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	136.0	-1.1%	0.9	2,811	2.5	9,051	15.0	3.7	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	99.6	-1.0%	1.0	985	2.0	4,974	20.0	3.9	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	58.5	2.5%	1.4	1,888	3.6	2,548	23.0	2.1	27.4%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	36.0	-1.6%	0.5	350	0.2	3,809	9.5	1.1	54.4%	12.2%
VIC	Bất động sản	124.1	2.6%	0.7	18,250	12.8	2,174	57.1	5.2	14.3%	9.0%
VRE	Bất động sản	33.4	3.6%	1.1	3,295	13.9	1,175	28.4	2.5	29.7%	9.3%
VHM	Bất động sản	105.0	0.5%	1.0	15,017	12.1	7,874	13.3	3.8	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	27.8	-3.5%	1.3	626	16.5	(61)		2.2	32.9%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	46.2	-5.2%	1.5	1,297	29.2	2,776	16.6	2.6	46.5%	16.2%
VCI	Chứng khoán	79.2	-6.8%	1.0	573	5.9	5,703	13.9	2.7	21.7%	22.1%
HCM	Chứng khoán	39.9	-4.5%	1.6	529	13.1	2,462	16.2	2.6	47.4%	16.4%
FPT	Công nghệ	82.7	-2.4%	0.9	3,263	13.4	4,103	20.2	4.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	84.6	2.9%	0.4	1,006	0.1	5,165	16.4	4.9	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	89.5	-2.1%	1.4	7,448	4.4	3,946	22.7	3.4	2.4%	14.9%
PLX	Dầu khí	56.6	-1.0%	1.5	3,061	16.0	2,915	19.4	3.0	16.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	30.0	1.0%	1.7	623	32.1	1,375	21.8	1.2	8.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	20.3	-0.5%	0.8	2,737	23.1	(909)	N/A N/A	2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.2	-0.1%	0.4	535	0.1	5,647	16.7	3.3	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	19.7	-1.3%	0.7	334	1.4	1,928	10.2	1.0	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.8	-0.3%	0.6	409	3.3	1,122	15.8	1.5	3.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	102.1	-2.7%	1.1	16,464	9.5	5,709	17.9	3.8	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	46.8	-4.5%	1.3	8,184	10.9	2,048	22.9	2.4	16.7%	10.6%
CTG	Ngân hàng	51.1	-5.4%	1.3	8,272	23.0	4,765	10.7	2.1	25.2%	20.9%
VPB	Ngân hàng	69.6	-2.9%	1.2	7,428	83.2	4,626	15.0	3.1	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	39.4	-5.2%	1.2	4,794	33.3	3,612	10.9	2.1	22.4%	21.6%
ACB	Ngân hàng	42.4	-6.4%	1.0	3,985	23.3	3,992	10.6	2.4	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	57.0	-0.7%	0.7	203	0.1	6,160	9.3	2.0	82.4%	20.3%
NTP	Nhựa	47.7	3.2%	0.5	244	0.5	3,988	12.0	2.1	19.5%	17.8%
MSR	Tài nguyên	21.0	1.4%	0.7	1,004	1.5	39	538.5	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	52.7	-3.3%	1.1	10,249	80.3	4,056	13.0	3.6	28.2%	31.3%
HSG	Thép	45.4	-1.5%	1.4	878	22.8	5,405	8.4	2.5	8.2%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	89.4	1.1%	0.7	8,124	14.4	4,682	19.1	6.0	54.8%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	154.0	0.2%	0.8	4,294	0.4	7,561	20.4	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	104.2	-2.9%	0.9	5,322	2.4	1,281	81.3	7.6	32.9%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	20.8	-0.5%	1.2	558	2.1	1,131	18.4	1.6	8.6%	8.7%
ACV	Vận tải	69.5	3.7%	0.8	6,578	0.8	577	120.5	4.0	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	111.8	4.1%	1.1	2,633	3.3	2,256		4.0	18.6%	8.3%
HVN	Vận tải	26.6	0.0%	1.7	1,640	1.5	(9,327)		26.2	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	39.0	-3.1%	1.0	511	4.3	1,246	31.3	1.9	40.1%	6.2%
PVT	Vận tải	21.0	4.5%	1.3	295	9.1	2,281	9.2	1.4	12.7%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	102.6	1.1%	1.0	714	1.7	8,479	12.1	3.9	4.0%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	30.4	-1.8%	0.4	593	0.0	1,604	18.9	2.1	6.1%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.0	0.6%	0.9	265	0.5	1,566	10.2	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	61.3	-1.3%	1.0	198	0.8	3,352	18.3	0.5	44.6%	3.0%
CII	Xây dựng	19.7	-0.8%	0.5	205	1.4	56	354.1	1.0	27.1%	0.2%
REE	Điện	54.9	-4.4%	-1.4	738	2.0	5,770	9.5	1.4	49.0%	16.3%
PC1	Điện	26.8	-0.6%	-0.4	223	0.3	2,371	11.3	1.3	10.9%	13.2%
POW	Điện	12.9	-1.9%	0.6	1,308	7.7	1,037	12.4	1.0	3.2%	8.6%
NT2	Điện	19.7	-0.3%	0.5	247	0.3	1,872	10.5	1.4	15.0%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.9	1.0%	1.0	732	13.2	1,639	21.9	1.6	19.8%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	51.2	-2%	0.9	2,304	0.0			3.3	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	123.00	1.65	1.83	3.68MLN
GVR	31.40	5.02	1.62	10.30MLN
VHM	106.00	1.44	1.36	4.25MLN
VRE	33.35	3.57	0.72	9.58MLN
VJC	111.80	4.10	0.64	684500

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-2.39	5.28MLN	1.11MLN
TCB	0.00	-2.08	20.39MLN	607060
CTG	0.00	-2.01	17.79MLN	373600
VCB	0.00	-1.90	2.97MLN	192700
HPG	0.00	-1.61	34.65MLN	611640

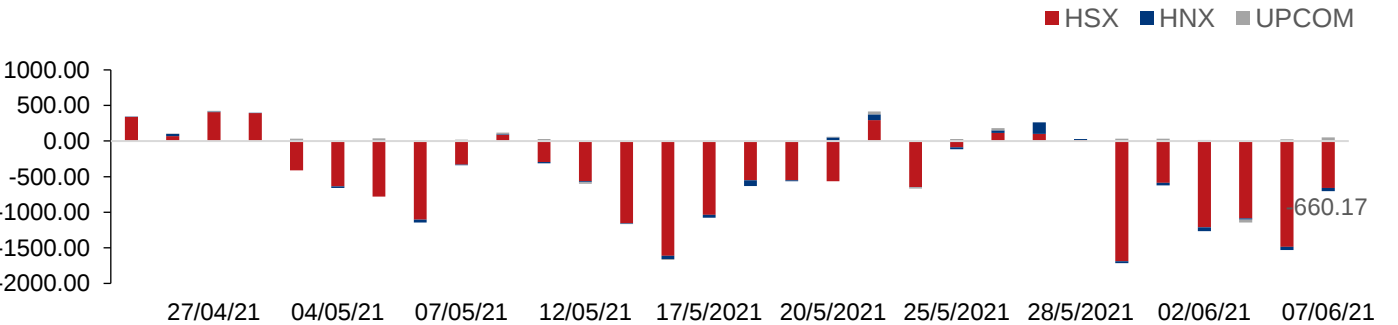
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DBT	16.05	7.00	0.00	29800.00
SFC	26.20	6.94	0.01	100
DPR	57.20	6.92	0.04	385700
SAV	26.30	6.91	0.01	12100
VMD	31.75	6.90	0.01	4900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CMV	13.95	-7.00	0.00	100
RAL	213.00	-6.99	-0.05	97100
CTS	22.35	-6.88	-0.05	3.21MLN
COM	42.85	-6.85	-0.01	300
MDG	11.65	-6.80	0.00	500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	42.4	3,992	10.6	2.4	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	69.5	577	120.5	4.0	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.1	600	16.8	0.9	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	11.3	-363		1.0	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	27.9	3,834	7.3	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	51.1	4,765	10.7	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.8	1122.1	15.8	1.5	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	73.0	5,505	13.3	3.0	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	116.9	7,653	15.3	4.0	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.7	1,928	10.2	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	27.2	2,379	11.4	1.8	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	27.8	-61		2.2	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	82.7	4,103	20.2	4.5	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	30.6	1,091	28.0	2.6	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.1	7,082	6.1	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	52.7	4,056	13.0	3.6	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	45.4	5,405	8.4	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.0	1,566	10.2	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.5	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.9	1,639	21.9	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	38.8	2,140	18.1	2.6	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	31.1			2.2	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	40.2	3,258	12.3	1.5	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	55.0	5,257	10.5	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	104.2	1,281	81.3	7.6	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	136.0	9,051	15.0	3.7	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.3	4,008	9.6	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.0	2,120	13.2	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	99.6	4,974	20.0	3.9	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.9	1,037	12.4	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	24.8	0	161.4	0.8	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	30.0	1,375	21.8	1.2	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	154.0	7,561	20.4	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.8	1,131	18.4	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.9	8272.5	4.8	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	52.4	4,074	12.9	2.3	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	102.1	5,709	17.9	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	48.0	4,166	11.5	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	19.3	570	33.9	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	42.0	3,837	10.9	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	105.0	7,874	13.3	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	89.4	4,682	19.1	6.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	69.6	4,626	15.0	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	33.4	1,175	28.4	2.5	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	98.8	4,060	24.3	6.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 47000 ; Giá tại Publish 39400 Định giá: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 Dự báo KQKD: BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) Luận điểm đầu tư: (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 44600 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639